

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HS-PT

Ngày: 01/3/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hòa.

Các Thẩm phán: 1. Bà Nghiêm Thị Lượng.

2. Ông Nguyễn Ngọc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Phùng Đức Khương - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 31/2019/TLPT-HS ngày 25 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Hữu T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 301/2018/HS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Hữu T, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Thôn H, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu Ng, sinh năm 1955 và bà Ngô Thị H, sinh năm 1958; có vợ là Nguyễn Thị Th, sinh năm 1985 và có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. Nguyễn Hữu D, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Thôn H, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu Th (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1948; có vợ là Lê Thị Th, sinh năm 1981 và có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/02/2018 đến ngày 11/02/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn sang “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại; có mặt.

3. Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Thôn H, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh;

giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu Ch, sinh năm 1957 và bà Ngô Thị S, sinh năm 1960; có vợ là Phan Thị H, sinh năm 1984 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Quyết định số 659/QĐ-CT ngày 18/6/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh đưa Nguyễn Hữu T1 vào cơ sở giáo dục 02 năm. Ngày 24/6/2005, T1 chấp hành xong trở về địa phương.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/02/2018 đến ngày 10/02/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn sang “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án này còn có bị cáo Ngô Đắc L, sinh năm 1982; trú tại: Thôn H, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tuy nhiên, ngày 27/02/2019 bị cáo đã rút toàn bộ kháng cáo, Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ xét xử đối với phần kháng cáo của bị cáo L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07/02/2018, Nguyễn Hữu T, sinh năm 1981 ở thôn H, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh tổ chức liên hoan tất niên cuối năm 2017 (Âm lịch) tại xưởng của gia đình mình ở thôn H, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Đến khoảng 13 giờ 30 phút, khi mọi người đã ăn uống xong, T cùng Đào Văn Ch, sinh năm 1981, trú tại thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; Vi Văn T2, sinh năm 1998, trú tại Xóm B, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An; Vi Quang H, sinh năm 1986, trú tại thôn Ch, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; Tường Văn Ph, sinh năm 1978, trú tại thôn Kh, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (hiện đều tạm trú tại thôn H, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh); Ngô Phú N, sinh năm 1979; Dương Đình Th, sinh năm 1978, Nguyễn Hữu D, sinh năm 1974; Ngô Đắc T2, sinh năm 1981; Nguyễn Đức Ng, sinh năm 1980, Nguyễn Hữu T1; sinh năm 1982, cùng trú tại thôn H, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh đang ngồi uống nước trong lán xưởng nhà T thì có người nói: “Chơi tỳ” (không xác định được ai nói). Mọi người hiểu là đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa được, thua bằng tiền. T đã đồng ý cho mọi người đánh tại xưởng của mình, nhưng T không thu tiền hồ.

Sau đó, D và T1 dùng kéo màu xanh cắt 04 quân hình tròn có đường kính 02 cm, được cắt từ quân bài “Chấn” một mặt màu trắng và một mặt có hoa văn màu đỏ, D chuẩn bị 01 đĩa sứ loại đĩa sứ màu trắng, còn 01 chiếc bát sứ không biết ai đưa cho D. D, T1, Th, N, Ch, Ng và T2 cùng nhau đánh bạc ăn tiền bằng hình thức chơi xóc đĩa. D là người xóc cái cho mọi người đánh và thống nhất người chơi sẽ đặt tiền theo hai cửa “Chấn - Lẻ”. Đặt tiền xong, D sẽ mở bát vừa xóc ra, nếu kết quả về đúng với cửa người chơi đã đặt, thì người đặt đúng được D trả tiền bằng với số tiền đã đặt. Ngược lại, nếu kết quả sai với cửa người chơi

đã đặt, thì người chơi đặt sai bị mất số tiền đã đặt, D là người được hưởng. Số tiền đặt cao nhất là 200.000 đồng, không quy định số tiền đặt thấp nhất.

Sau khi thống nhất, D xóc cái cho người chơi là T1, T, N, Ch, Ng, T đánh với D. Còn T, Tú, H và P xem mọi người đánh. Khi D, T1, T, N, Ch, Ng, T đang đánh thì có Ngô Đắc Th, sinh năm 1972; Dương Đình T3, sinh năm 1990; Ngô Đình M, sinh năm 1973; Ngô Văn L, sinh năm 1977; Phan Viết Th, sinh năm 1988; Phan Viết Th1, sinh năm 1982; Nguyễn Hữu Ph, sinh năm 1982; Ngô Đình Đ, sinh năm 1981; Ngô Đắc L, sinh năm 1982 và Vũ Xuân Tr, sinh năm 1978 đều cùng trú tại thôn H, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh đến cùng tham gia đánh xóc đĩa được thua bằng tiền. Các đối tượng đánh đến 15 giờ 45 phút cùng ngày thì bị Công an thị xã T, tỉnh Bắc Ninh phát hiện, bắt quả tang cùng vật chứng.

Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Hữu D, Vũ Xuân Tr chạy trốn; Ngô Đắc T2 do đánh thua hết tiền đã bỏ về trước khi lực lượng Công an đến bắt; Nguyễn Hữu T vừa ra khỏi lán xướng. Vật chứng thu giữ gồm: 45.890.000 đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam, trong đó 26.500.000 đồng thu tại chiếu đánh xóc đĩa và 19.390.000 đồng tiền thu trên người các bị cáo là tiền đã và sẽ dùng vào việc đánh xóc đĩa được thua bằng tiền; 01 bát con bằng sứ; 01 đĩa con bằng sứ; 04 quân hình tròn có một mặt hoa văn màu đỏ, một mặt trắng; 05 chiếu cói đã qua sử dụng. Cùng ngày 07/02/2018, Nguyễn Hữu T1 đến cơ quan Công an thị xã Từ Sơn đầu thú; ngày 09/2/2018, Nguyễn Hữu D đến cơ quan Công an thị xã Từ Sơn đầu thú; ngày 05/5/2018, Vũ Xuân Tr đến cơ quan Công an thị xã Từ Sơn đầu thú, ngày 06/5/2018, Nguyễn Hữu T đến cơ quan Công an thị xã Từ Sơn đầu thú và ngày 08/5/2018, Ngô Đắc T2 đến cơ quan Công an thị xã Từ Sơn đầu thú.

Quá trình tiến hành tố tụng, đã có căn cứ xác định số tiền các bị cáo đã và sẽ dùng vào việc đánh xóc đĩa được thua bằng tiền như sau: Nguyễn Hữu D 23.400.000 đồng vào mục đích đánh bạc khi lực lượng Công an vào bắt D không biết mình thắng hay thua và bỏ lại toàn bộ số tiền trên chiếu bạc và bỏ chạy thoát, Nguyễn Hữu T1 700.000 đồng vào mục đích đánh bạc khi lực lượng Công an vào bắt T1 thua 600.000 đồng còn lại 100.000 đồng T1 bỏ lại trên chiếu và chạy thoát; Dương Đình Th 1.500.000 đồng; Ngô Phú N 1.300.000; Phan Viết Th1 700.000; Dương Đình T2 500.000 ; Đào Văn Ch 2.000.000 đồng Ngô Đình M 550.000 đồng; Ngô Văn L 5.500.000 đồng; Phan Viết Th1 500.000 đồng; Ngô Đắc Th2 600.000 đồng; Nguyễn Hữu Ph 1.000.000 đồng; Nguyễn Đức Ng 4.200. 000 đồng; Ngô Đình Đ 1.700.000 đồng; Ngô Đắc L 540.000 đồng; Vũ Xuân Tr 600.000 đồng; Ngô Đắc T2 600.000 đồng.

Trước khi lực lượng Công an vào bắt quả tang T2 thua hết số tiền là 600.000 đồng sau đó bỏ về. Vật chứng thu giữ vụ án: 45.890.000 đồng tiền ngân

hàng nhà nước Việt Nam, gồm 26.500.000 đồng thu tại chiếu bạc và 19.390.000 đồng tiền thu trên người các bị cáo là tiền đã và sẽ dùng vào việc đánh xóc đĩa trái phép được thua bằng tiền; 01 bát con bằng sứ; 01 đĩa con bằng sứ; 04 quân hình tròn có một mặt hoa văn màu đỏ, một mặt trắng; 05 chiếu cói đã qua sử dụng.

Với nội dung nêu trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 301/2018/HS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội “Gá bạc”, các bị cáo Nguyễn Hữu D, Nguyễn Hữu T1 phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng điểm b, c khoản 1 và khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu T 16 (mười sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000đ sung Ngân sách Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu D 14 (mười bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 09/02/2018 đến ngày 11/02/2018. Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000đ sung Ngân sách Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu T1 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 07/02/2018 đến ngày 10/02/2018. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ sung Ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên xử đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28 và 30 /11/2018, các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Hữu D lần lượt kháng cáo xin được hưởng án treo. Ngày 11/12/2018, bị cáo Nguyễn Hữu T1 kháng cáo đề nghị xem xét về phần hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, riêng bị cáo T1 bổ sung kháng cáo xin được hưởng án treo. Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã tuyên là đúng. Tuy nhiên, các bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tự nguyện nộp tiền phạt bổ sung tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Từ Sơn. Bị cáo Nguyễn Hữu T và Nguyễn Hữu D còn tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, ủng hộ đồng bào vùng sâu, vùng xa. Riêng bị cáo T đã giúp Công an xã T phát hiện bắt quả tang một vụ “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Do vậy, các bị cáo đều đề nghị HĐXX xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi nhận xét vụ án và phân tích hành vi phạm tội, đánh giá nhân

thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên hình phạt nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo đều không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Hữu D, Nguyễn Hữu T1 đều đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, phù hợp biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 15 giờ 45 phút ngày 07/02/2018, lực lượng Công an đã bắt quả tang Nguyễn Hữu T có hành vi cho các bị cáo Nguyễn Hữu D, Nguyễn Hữu T1 cùng 15 bị cáo khác đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh “Xóc đĩa” được thua bằng tiền tại xưởng của T. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 45.890.000đ. Do vậy, Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội “Gá bạc” theo điểm b, c khoản 1 Điều 322 BLHS; các bị cáo Nguyễn Hữu D, Nguyễn Hữu T1 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 BLHS là đúng người, đúng tội.

[2]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, là nguyên nhân của nhiều loại tội phạm khác nên cần xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự mới có tác dụng giáo dục chung và phòng ngừa riêng.

Xem xét kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với bị cáo Nguyễn Hữu T và Nguyễn Hữu D: Giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm bị cáo T đã tự nguyện nộp số tiền 20.200.000 đồng; bị cáo D đã tự nguyện nộp 10.200.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Từ Sơn nhưng do các bị cáo không xuất trình nên cấp sơ thẩm chưa xem xét. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo D tiếp tục nộp 5.000.000 đồng tiền phạt bổ sung. Bản thân hai bị cáo có nhiều thành tích trong hoạt động từ thiện, giúp đỡ bà con vùng sâu, vùng xa đây là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Riêng đối với bị cáo T, do các đối tượng đánh bạc đều là người quen biết nên nể nang, không có hành vi ngăn cản mà vẫn tiếp tục để các bị cáo đánh bạc tại xưởng của mình, bản thân T không tham gia đánh bạc, không thu lợi gì. Quá trình tại ngoại tại địa phương, bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm, giúp Công an xã Tương Giang bắt quả tang

một vụ “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Xét thấy, ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà án sơ thẩm đã áp dụng, cần áp dụng thêm cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là “người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm” quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Hữu T1, mặc dù bị cáo là người có nhân thân xấu, đã bị đưa vào cơ sở giáo dục. Tuy nhiên, bị cáo được coi chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đã lâu, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, số tiền bị cáo T1 sử dụng vào mục đích đánh bạc không lớn. Trước khi xét xử phúc thẩm bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 10.200.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Từ Sơn là tiền phạt bổ sung và án phí sơ thẩm, thể hiện được sự ăn năn hối cải của bị cáo về hành vi phạm tội của mình.

Xét thấy, các bị cáo T, T1 và D có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, căn cứ vào Nghị quyết số 02/2018/NQ – HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 BLHS về án treo thì các bị cáo đủ điều kiện để được hưởng án treo. Do vậy, không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người có ích cho xã hội. Từ nhận định trên, HĐXX xét thấy, cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Hữu D và Nguyễn Hữu T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Hữu D và Nguyễn Hữu T1. Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm b, c khoản 1 và khoản 3 Điều 322; điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu T 16 (mười sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 32 (ba mươi hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Từ Sơn số tiền 20.200.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0003130 ngày 04/09/2018.

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu D 14 (mười bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 28 (hai mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Từ Sơn số tiền 15.200.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0003213 ngày 13/11/2018 và Biên lai thu tiền số 0003302 ngày 24/01/2019.

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu T1 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Từ Sơn số tiền 10.200.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0003352 ngày 27/02/2019.

Giao các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Hữu D và Nguyễn Hữu T1 cho UBND xã Tương Giang, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục.

Trong trường hợp các bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Hữu D và Nguyễn Hữu T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PC 10 - Công an tỉnh Bắc Ninh;
- CQCSĐT; VKS; TAND; Chi cục THADS thị xã Từ Sơn;
- Các bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hữu Hòa